

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VŨNG LIÊM
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 71/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 06-6-2022
V/v Tranh chấp hôn nhân và gia
đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨNG LIÊM
TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Huỳnh Văn Vui**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Trung Du**
2. Ông **Huỳnh Văn Hồng**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Ngọc Linh** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm tỉnh Vĩnh Long không tham gia phiên tòa.

Ngày 06 tháng 6 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 304/2021/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 11 năm 2021 về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 116/2022/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Thanh T**, sinh năm 1992 (có mặt)

Địa chỉ: ấp B, xã H, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

2. Bị đơn: Chị **Trần Thị Thu Th**, sinh năm 1993 (có mặt)

HKTT: tổ 1, ấp 3, xã R, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Chỗ ở hiện nay: đường C, phường Tân Phú, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện ngày 18 tháng 5 năm 2021 và những lời khai khác có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn anh Nguyễn Thanh T trình bày:**

- Về mối quan hệ hôn nhân: Anh và chị Trần Thị Thu Th do tự tìm hiểu

quen biết tiến tới hôn nhân, được gia đình cha mẹ hai bên đồng ý tổ chức lễ cưới vào ngày 12 tháng 7 năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long ngày 08 tháng 4 năm 2017. Sau ngày cưới vợ chồng đi làm và thuê nhà trọ sống tại thành phố Hồ Chí Minh. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến ngày 30 tháng 5 năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm thường hay cãi vã mất hạnh phúc. Anh bỏ về nhà cha mẹ ruột sống từ ngày 31 tháng 3 năm 2021 đến nay.

Nay anh nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh yêu cầu được ly hôn với chị Trần Thị Thu Th.

- *Về con chung*: Có 01 con chung tên Nguyễn Toàn A, sinh ngày 25 tháng 3 năm 2020 hiện đang sống với chị Th. Sau khi ly hôn anh đồng ý giao cháu A cho chị Th nuôi dưỡng, anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- *Về tài sản chung*: Vợ chồng tự thỏa thuận xong không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung phải thu, phải trả*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra anh không còn yêu cầu nào khác.

*** Theo văn bản trình bày ý kiến ngày 19 tháng 11 năm 2021 và những lời khai khác có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa bị đơn chị Trần Thị Thu Th trình bày:**

- *Về mối quan hệ hôn nhân*: Chị thống nhất theo lời trình bày của anh T về mối quan hệ hôn nhân hình thành, thời gian chung sống, hôn nhân có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến ngày 31 tháng 3 năm 2021 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do anh T kêu chị về quê anh T sống nhưng chị và anh T đều có việc làm ổn định tại thành phố Hồ Chí Minh nên chị không đồng ý. Anh T bỏ về quê sống từ ngày 31 tháng 3 năm 2021 đến nay. Nay đối với yêu cầu xin ly hôn của anh T thì chị cũng đồng ý ly hôn.

- *Về con chung*: Có 01 con chung tên Nguyễn Toàn A, sinh ngày 25 tháng 3 năm 2020 hiện đang sống với chị Th. Sau khi ly hôn chị đồng ý nuôi dưỡng cháu A, yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000đ cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Tại phiên tòa chị Th thống nhất theo ý kiến của anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- *Về tài sản chung*: Vợ chồng tự thỏa thuận xong không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung phải thu, phải trả*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài liệu, chứng cứ trong vụ án:

- Nguyên đơn đã nộp:

+ 01 giấy chứng nhận kết hôn bản chính.

+ 01 trích lục khai sinh bản sao

- + 01 đơn xin xác nhận.
- + 01 quyết định về việc đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động bản photo.
- Bị đơn đã nộp:
 - + 02 văn bản trình bày ý kiến bản gốc.
 - + 01 đơn yêu cầu bản gốc.
 - + 01 đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm giải quyết vụ ly hôn.

Ngoài ra đương sự không còn yêu cầu nào khác giữ nguyên quan điểm của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và các chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự: Anh Nguyễn Thanh T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long giải quyết ly hôn giữa anh và chị Trần Thị Thu Th. Tại thời điểm anh T nộp đơn khởi kiện chị Trần Thị Thu Th có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp Bình Trung, xã Trung Hiếu, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long có xác nhận của công an xã H. Theo chị Th trình bày trước đây chị có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp B, xã H, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long nhưng đến tháng 01 năm 2022 chị đã cắt hộ khẩu để nhập hộ khẩu vào tổ 1, ấp 3, xã R, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Ngày 28 tháng 02 năm 2022 chị Th có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm giải quyết vụ ly hôn của chị và anh T. Theo quy định tại khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm.

[2] Môi quan hệ hôn nhân giữa anh Nguyễn Thanh T và chị Trần Thị Thu Th là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Hôn nhân của anh chị do tự tìm hiểu quen biết tiến tới hôn nhân, được gia đình hai bên đồng ý có tổ chức lễ cưới vào năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long ngày 08 tháng 4 năm 2017. Theo lời trình bày của anh T thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm thường hay cãi vã mất hạnh phúc. Theo chị Th trình bày nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do anh T kêu chị về quê anh T sống nhưng chị và anh T đều có việc làm ổn định tại thành phố Hồ Chí Minh nên chị không đồng ý, hiện anh chị không còn sống chung.

Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc anh T chị Th tự nguyện thuận tình ly hôn là phù hợp với Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Con chung: Anh Nguyễn Thanh T và chị Trần Thị Thu Th thống nhất xác định anh chị có 01 con chung tên Nguyễn Toàn A, sinh ngày 25 tháng 3 năm

2020 hiện đang sống với chị Th. Sau khi ly hôn anh T chị Th thống nhất thoả thuận giao cháu Nguyễn Toàn A, sinh ngày 25 tháng 3 năm 2020 cho chị Th nuôi dưỡng. Anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000đ cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chị Th yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000đ cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Nhưng chị Th không chứng minh được thu nhập của anh T. Chị Th thừa nhận từ ngày 31 tháng 3 năm 2021 chị và anh T không liên lạc với nhau nên chị cũng không biết anh T có công việc như thế nào và mức thu nhập là bao nhiêu. Anh T trình bày anh có làm việc cho công ty trách nhiệm hữu hạn X từ ngày 12/02/2022 đến ngày 07/4/2022 nhưng công ty trách nhiệm hữu hạn X đã có quyết định về việc đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động. Hiện anh không có việc làm không có thu nhập. Anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu A mỗi tháng 1.000.000đ cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi. Tại phiên toà chị Th đồng ý với mức cấp dưỡng mà anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ cho đến khi con chung đủ 18 tuổi là phù hợp Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung: Anh Nguyễn Thanh T và chị Trần Thị Thu Th thống nhất xác định anh chị tự thoả thuận xong không yêu cầu Toà án giải quyết.

[5] Về nợ chung phải thu, phải trả: Anh Nguyễn Thanh T và chị Trần Thị Thu Th thống nhất xác định không yêu cầu Toà án giải quyết. Miễn xét.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân và gia đình: Anh Nguyễn Thanh T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

[7] Án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Thanh T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 9, 51, 55, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình 2014; Điều 28, 35, 39, 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 3, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016;

*** Tuyên xử:**

[1] Về mối quan hệ hôn nhân: Công nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Thanh T và chị Trần Thị Thu Th.

[2] Về con chung: Giao cháu Nguyễn Toàn A, sinh ngày 25 tháng 3 năm 2020 cho chị Trần Thị Thu Th nuôi dưỡng. Anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu A mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng) cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật đến khi cháu A đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

[3] Về tài sản chung: Nguyễn Thanh T và chị Trần Thị Thu Th thống nhất xác định anh chị tự thỏa thuận xong không yêu cầu Tòa án giải quyết. Miễn xét.

[4] Về nợ chung phải thu, phải trả: Nguyễn Thanh T và chị Trần Thị Thu Th thống nhất xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết. Miễn xét.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân và gia đình: Anh Nguyễn Thanh T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

[6] Án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Thanh T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Tổng cộng anh T phải nộp 600.000đ (Sáu trăm nghìn đồng). Nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 600.000đ (Sáu trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số N⁰ 0007803 ngày 05 tháng 11 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm. Anh T đã nộp đủ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ sau ngày tuyên án. Để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử lại phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Vũng Liêm;
- Chi cục THADS huyện Vũng Liêm;
- UBND xã H;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Huỳnh Văn Vui